

Bản án số: 214/2022/DS-ST  
Ngày 22-12-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản và hụi

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Quốc Trọng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Hùng

Ông Nguyễn Hoài Phong

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 377/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Hồng T, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp A, thị trấn GH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Tô Thị N, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Văn Công T; cư trú tại: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị L; cư trú tại: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Ngọc N; cư trú tại: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Bà Võ Hồng T trình bày:* Trước đây, ông H, bà N đã tham gia của bà 02 dây hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất mở ngày 30/01/2020 al, loại hụi 2.000.000đ, tháng khai một lần gồm 24 chung, huê hồng 1.200.000đ/chung, ông H, bà N tham gia 01 chung. Sau khi tham gia, ông H, bà N đóng được 10 kỳ hụi sống, đến kỳ thứ 11 thì bỏ hốt, sau khi hốt hụi, ông H, bà N đóng hụi chết được 3 kỳ thì ngưng đóng, còn nợ lại 10 kỳ hụi chết tương đương số tiền 20.000.000đ.

Dây hụi thứ hai mở ngày 10/6/2020 al, loại hụi 1.000.000đ, tháng khai một lần gồm 27 chung, huê hồng 600.000đ/chung, ông H, bà N tham gia 03 chung. Sau khi tham gia, ông H, bà N đóng đến kỳ thứ 3 thì bỏ hốt chung thứ nhất, đóng đến kỳ thứ đến kỳ thứ 8 thì bỏ hốt chung thứ hai, đóng đến kỳ thứ 10 thì bỏ hốt chung thứ ba. Dây hụi này, ông H, bà N còn nợ lại 17 kỳ hụi chết tương đương 51.000.000đ.

Ngoài ra, ông H, bà N đã mượn của bà nhiều lần với tổng số tiền 73.000.000đ, cụ thể như sau: Lần thứ nhất ngày 24/8/2021, mượn 23.000.000đ. Lần thứ hai ngày 17/9/2021, mượn 10.000.000đ. Lần thứ ba ngày 18/01/2022 mượn 12.000.000đ. Lần thứ tư ngày 22/02/2022 mượn 28.000.000đ, khi mượn có thỏa thuận lãi. Từ khi vay đến nay, ông H, bà N không có trả vốn, lãi.

Bà T khởi kiện yêu cầu ông H, bà N trả tổng số tiền nợ 144.000.000đ (bao gồm nợ hụi 71.000.000đ và nợ vay 73.000.000đ).

*Bà Tô Thị N và ông Huỳnh Văn H thống nhất trình bày:* Ông bà thừa nhận có tham gia 04 chung hụi trong 02 dây hụi như bà T trình bày, nhưng ông bà tham gia dùm cho anh Th 01 chung trong dây hụi mở ngày 30/01/2020 al và tham gia cho bà L và bà N mỗi người 01 chung trong dây hụi mở ngày 10/6/2020 al. Dây hụi thứ nhất mở ngày 30/01/2020 al, tham gia một chung, còn nợ 6.000.000đ. Dây hụi thứ hai mở ngày 10/6/2020 al, tham gia 03 chung còn nợ 26.000.000đ.

Đối với tiền nợ vay, ông bà xác định chỉ có vay của bà T 28.000.000đ vào ngày 22/02/2022, lãi suất 80.000đ/ngày, từ khi vay đến nay không có trả vốn, lãi. Đối với các khoản vay còn lại bà không thừa nhận.

Ông bà đồng ý trả cho bà T số tiền nợ 60.000.000đ.

*Tại phiên Tòa, bà Võ Hồng T trình bày:* Bà yêu cầu ông H, bà N trả số tiền nợ hụi 71.000.000đ và số tiền nợ vay 55.000.000đ, bà không yêu cầu trả số tiền nợ vay 18.000.000đ tại biên nhận ngày 24/8/2021.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu quan điểm:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu ông H, bà N trả số tiền nợ 126.000.000đ.

Đối với ông Văn Công T, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Ngọc N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Văn H, bà Tô Thị N, ông Văn Công T, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2] Về phạm vi khởi kiện: Tại đơn khởi kiện, bà T yêu cầu ông H, bà N trả số tiền nợ vay 73.000.000đ. Tuy nhiên tại phiên Tòa, bà T yêu cầu trả số tiền 55.000.000đ. Xét thấy, việc bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ông H, bà N trả số tiền nợ hui 71.000.000đ, thấy rằng: Theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, danh sách hui viên ngày 10/6/2020 và ngày 30/01/2020, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ông H, bà N có tham gia 04 chung hui trong hai dây hui do bà T làm chủ cụ thể như sau: Dây hui thứ nhất mở ngày 30/01/2020 al, loại hui 2.000.000đ, tháng khui một lần gồm 24 chung, huê hồng 1.200.000đ/chung, ông H, bà N tham gia 01 chung. Dây hui thứ hai mở ngày 10/6/2020 al, loại hui 1.000.000đ, tháng khui một lần gồm 27 chung, huê hồng 600.000đ/chung, ông H, bà N tham gia 03 chung.

Bị đơn cho rằng 01 chung hui trong dây hui mở ngày 30/01/2020 al còn nợ lại 03 kỳ hui chết tương đương số tiền 6.000.000đ, 03 chung hui trong dây hui mở ngày 10/6/2020 al còn nợ lại 26.000.000đ nhưng không được phía nguyên đơn thừa nhận và bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hui 71.000.000đ.

[3.2] Xét yêu cầu trả số tiền nợ vay 55.000.000đ: Theo các giấy ngày 24/8/2021, ngày 17/9/2021, ngày 18/01/2022 và ngày 22/02/2022 và kết luận giám định số 328/KL-KTHS ngày 01/11/2022 của phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Cà Mau, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông H, bà N đã vay của bà T tổng số tiền 55.000.000đ và theo bà T xác định từ khi vay đến nay bị đơn chưa trả số tiền trên. Nên cần buộc ông H, bà N trả số tiền nợ vay 55.000.000đ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trúc, buộc ông H, bà N trả số tiền nợ 126.000.000đ.

[4] Về án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên ông H, bà N phải chịu  $126.000.000đ \times 5\% = 6.300.000đ$ .

[5] Về chi phí giám định: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên ông H, bà N phải chịu 6.920.000đ. Bà T đã nộp được nhận lại từ ông H, bà N.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 466, Điều 470, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Hồng T về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn H, bà Tô Thị N trả số tiền nợ 126.000.000đ (một trăm hai mươi sáu triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Hồng T không phải chịu, bà T đã nộp tạm ứng án phí 3.600.000đ tại biên lai thu số 0013001 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại. Ông Huỳnh Văn H, bà Tô Thị N phải chịu 6.300.000đ. (sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

3. Về chi phí giám định: Ông Huỳnh Văn H, bà Tô Thị Nh phải chịu 6.920.000đ (sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Buộc ông H, bà N có trách nhiệm thanh toán cho bà Võ Hồng T số tiền 6.920.000đ (sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đặng Quốc Trọng**